TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 199/2018/DS-PT
Ngày 30 tháng 7 năm 2018
V/v: "Tranh chấp về quyền sử dụng đất và thừa kế về tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Võ Văn Khoa

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp về quyền sử dụng đất và thừa kế về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 848/2018/QĐ - PT ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Lâm Thị Kim S , sinh năm 1957 (có mặt);

2/ Ông Lâm Thành T , sinh năm 1960 (có mặt);

3/ Ông Lâm Tân T1, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

4/ Bà Lâm Thị Kim X , sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: số AVE Tampa FL 33616 USA (Hoa Kỳ)

Địa chỉ tạm trú: số , khu vực 1, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

5/ Bà Lâm Thị Như V , sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: số BLD APT Tampa FL 33616-1761 USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Kim X và Lâm Thị Như V :

Bà Lâm Thị Kim S .

Địa chỉ: số , khu , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

6/ Ông Lâm Tân V , sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: , Evelyn PL Bay St.Loir Ms. 39520 USA (Hoa Kỳ)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Tân V : Ông Lâm Thành T .

Địa chỉ: số , phường Lái HIếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Kim S : Luật sư Trần Thị M , Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lâm Thị Như Y , sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Thị Như ... : Bà Trương Lâm Đông Thảo, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số , đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị Như ...: Luật sư Lê Quang V , Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Lâm Minh V (Lâm Minh V), sinh năm 1967 (có mặt);

2/ Bà Phùng Thị Diễm P , sinh năm 1972;

3/ Lâm Minh Diễm P (vắng mặt);

4/ Lâm Minh T (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Diễm P , Lâm Minh Diễm P c, Lâm Minh T : Ông Lâm Minh V .

5/ Bà Nguyễn Thị Kim B , sinh năm 1967 (có mặt);
6/ Anh Lâm Nguyễn Đình N , sinh năm 1987 (vắng mặt);
7/ Chị Lâm Thị Bảo N , sinh năm 1989 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lâm Nguyễn Đình N và chị Lâm Thị Bảo N n: Bà Nguyễn Thị Kim B (có mặt).

Cùng địa chỉ: số phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

8/ Bà Nguyễn Thị Kim C , sinh năm 1979 (vắng mặt)
9/ Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1979 (vắng mặt)
10/ Bà Nguyễn Thị Minh A , sinh năm 2000 (vắng mặt)

11/ Bà Nguyễn Thị Như H , sinh năm 2002 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Kim C , Nguyễn Văn C g, Nguyễn Thị Minh A , Nguyễn Thị Như H : Bà Lâm Thị Kim S .

Địa chỉ: số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

12/ Bà Trương Lâm Đình T , sinh năm 1970 (có mặt)

13/ Bà Trương Lâm Xuân T 1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

14/ Bà Trương Lâm Thu T 2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Trương Lâm Đình T , Trương Lâm Xuân T1, Trương Lâm Thu T2: Bà Trương Lâm Đông T .

Địa chỉ: số , phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

15/Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số , phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K ; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thành N ; Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách - Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ủy quyền lại cho ông Thanh T ; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

16/ Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Chí D

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Ngọc D , sinh năm 1980 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền số 723/GUY-UBND ngày 16/11/2017)

Người kháng cáo:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Lâm Thị Kim S , đồng thời là đại diện của bà Lâm Thị Kim X và bà Lâm Thị Như V trình bày:

Cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T có 09 người con là các ông, bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Như Y, Lâm Thị Như V , Lâm Thị Kim X , Lâm Thành T , Lâm Tân T1, Lâm Minh V , Lâm Tân V , Lâm Thanh N . Cụ Lâm Văn D chết năm 1989, cụ Huỳnh Thị T chết năm 2014, ông Lâm Thanh N chết năm 2003 (ông N có vợ là bà Nguyễn Thị Kim B , con là anh Lâm Nguyễn Đình N và chị Lâm Thị Bảo N).

Di sản của cụ D và cụ T để lại là khu đất theo kết quả đo đạc thực tế bằng 14.639,8 m^2 (đã trừ phần đất ven kinh), tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang có nguồn gốc đất của ông bà cố Lâm Văn C và Phan Thị Tr để lại cho ông bà nội bà là cụ Lâm Văn M . Khi cụ M mất thì để lại cho cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T ở trên khu đất này. Sau khi cụ D mất, năm 2006, gia đình bà S có khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D , trong quá trình giải quyết thì cụ T chết nên bà S có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thêm phần di sản của cụ T để lại.

Bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Như V , Lâm Thị Kim X yêu cầu chia thừa kế 14.639,8m^2 nêu trên thành 09 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật cho 09 người con của cụ D và cụ T . Đồng ý nhà thờ để thờ cúng, phần đất mộ và lối đi không yêu cầu chia.

Bà Lâm Thị Như V có yêu cầu thêm về việc xem xét công sức đóng góp của bà V vào khối di sản, vì bà Vân đã bỏ tiền ra xây dựng nhà cho cụ Huỳnh Thị T nên yêu cầu chia phần giá trị nhà của cụ T cho bà V .

Nguyên đơn - ông Lâm Tân T , ông Lâm Thành T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Tân V trình bày:

Thống nhất về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất như bà S trình bày. Yêu cầu chia di sản thành 09 phần cho 09 người con của cụ D và cụ T . Trên khu đất tranh chấp có 01 căn nhà của ông T vị trí số (14) và 01 căn nhà ông T vị trí số (13) đều nằm ở phía sau đất tranh chấp, ông T và ông T yêu cầu chia cho 2 ông phần đất vị trí giáp mặt đường, nếu chia đất cho người khác vào vị trí có 02 căn nhà ở phía sau vị trí số (13) và (14) thì T và ông T đồng ý tự nguyện di dời để trả đất cho người được chia, không yêu cầu ai phải bồi thường. Đối với căn nhà của cụ T , yêu cầu để lại làm nơi thờ cúng, không đồng ý chia cho bà V .

Bị đơn - bà Lâm Thị Như Y do bà Trương Lâm Đông T đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà cho bà Lâm Thị Như Y từ năm 1975 đến nay, bà Lâm Thị Như Y ở trên phần đất này từ khi được cho đất. Đến năm 1998 thì bà Lâm Thị Như Y được UBND huyện Phụng Hiệp (nay là thị xã Ngã Bảy) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 1991, bà V ở nước ngoài về và nói ai lấy nhà hoặc lấy tiền làm vốn thì không lấy đất nên ai cũng lấy nhà và tiền, chỉ có bà Y lấy đất.

Sau đó bà Lâm Thị Như Y thay đổi lời khai cho rằng nguồn gốc khu đất này của địa chủ S để cho cụ D và cụ Tốt sử dụng ở từ những năm 1945 đến năm 1954 cụ Danh và cụ Tốt bỏ đi nơi khác không còn sử dụng. Năm 1975 bà Y về quản lý và tự kê khai đăng ký, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và sử dụng ổn định lâu dài, nên đây là

tài sản riêng của bà Y Các anh chị em cho rằng bà Y đã lừa cụ Danh và cụ Tốt để chiếm đoạt đất là không đúng.

Bà Lâm Thị Như Y không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng đồng ý cho ông V , bà B , ông T , ông T1 ở trên đất như hiện trạng hiện nay. Đồng ý cho bà Lâm Thị Kim S một nền nhà. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Kim B , đồng thời là đại diện của anh Lâm Nguyễn Đình N , chị Lâm Thị Bảo N trình bày:

Yêu cầu chia và công nhận phần đất có căn nhà mà gia đình bà Nguyễn Thị Kim B đang ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lâm Minh V đồng thời đại diện theo uỷ quyền của bà Phùng Thị Diễm P , Lâm Minh Diễm P , Lâm Minh T trình bày:

Thống nhất về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất như bà S trình bày. Tuy nhiên, trước đây mỗi người con của cụ D và cụ T đều được cho một phần nhà đất ở chỗ khác hoặc tiền vốn để làm ăn nên không nhận phần đất này mà phần đất này của bà Y Bà S cũng nhận tiền rồi nên không có đất trên phần đất tranh chấp này.

Đối với căn nhà của cụ T mỗi người đều góp một ít để xây dựng nên không xác định được cụ thể bao nhiêu. Vì vậy, đề nghị làm nhà thờ cúng, không đồng ý với yêu cầu của bà V về việc công nhận phần nhà của cụ T cho bà V .

Ông V yêu cầu được công nhận phần đất và nhà của ông V trên đất theo biên bản đo đạc của Tòa án và lược đồ ngày 01/11/2017, không yêu cầu nhận thêm di sản nào khác.

Đối với khoản nợ Ngân hàng N, ông V thừa nhận ông và vợ là bà Phùng Thị Diễm P có vay của Ngân hàng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Như Y và hiện còn nợ số tiền như Ngân hàng trình bày. Ông cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng xin mỗi tháng trả 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Thị Kim C , Nguyễn Văn C , Nguyễn Thị Minh A , Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Lâm Thị Kim S .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N trình bày:

Vào ngày 10/02/2015, vợ chồng ông Lâm Minh V có vay của Ngân hàng N số tiền 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165, ngày 10/02/2015, lãi suất 7%/năm, mục đích vay vốn nuôi cá tra. Tài sản thế chấp là khu đất 12.126m^2, đo thực tế 14.639,8m^2, tọa lạc

tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011. Vợ chồng ông V đã trả tiền gốc được 724.640.000 đồng, số tiền nợ lãi, nợ gốc còn lại ông V chưa trả cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu ông Lâm Minh V thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 31/01/2018 là 1.974.312.821 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười hai đồng tám trăm hai mươi mốt đồng) và lãi được tiếp tục tính cho đến khi Ông Lâm Minh V thanh toán xong nợ theo mức lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Nếu ông Lâm Minh V không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu tiếp tục phát mãi tài sản khác của Ông Lâm Minh V và người có liên quan để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Như Y là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 01/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng: Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 14.639,8m^2 là của cụ Lâm Văn D và Huỳnh Thị T chết để lại.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Kim X n, Lâm Thành T , Lâm Tân T1, Lâm Tân V , bà Lâm Thị Như V .

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim B .

- Công nhận cho bà Lâm Thị Kim S được sở hữu, sử dụng phần đất tại vị trí (V) có diện tích 413,8m^2, trên đất có nhà của cụ Huỳnh Thị T tại vị trí (3), (3a), (3b) và phần đất tại vị trí (VIII) có diện tích 869,4m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5,

phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, buộc bà S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Như V số tiền là 137.804.984 đồng.

- Công nhận cho ông Lâm Thành T được sử dụng phần đất tại vị trí (II) có diện tích 600,5m^2 và phần đất tại vị trí (VI) có diện tích 869,5m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Công nhận cho ông Lâm Tân T1 được sử dụng phần đất tại vị trí (IV) có diện tích 402m^2 và phần đất tại vị trí (VII) có diện tích 869,6m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, buộc ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà V là 10.961.096 đồng.

- Công nhận cho bà Lâm Thị Như Y được sử dụng phần đất tại vị trí (III) có diện tích 615,5m^2 và phần đất tại vị trí (IX) có diện tích 869,3m^2, phần đất tại vị trí (X) có diện tích 869,5m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim B , Lâm Nguyễn Đình N và Lâm Thị Bảo N được sử dụng phần đất tại vị trí (I) có tổng diện tích 219,8m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Công nhận cho ông Lâm Minh V được sử dụng phần đất tại vị trí (5) có diện tích 87,7m^2, (5a) có diện tích 47,2m^2, (6) có diện tích 991,6m^2, (7) có diện tích 44,5m^2, (10) có diện tích 1621,0m^2 đất LNK và 1696,8 m^2 đất 2L,(11) có diện tích 301,7 m^2 đất LNK và 406,6 m^2 đất 2L, (15) có diện tích 1562,9 m^2 đất LNK và 362,0 m^2 đất 2L theo mãnh trích đo địa chính số 05-2017/TT.KTTN&MT ngày 01/12/2017 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, phần đất tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Buộc ông Lâm Minh V phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V mỗi suất là 298.113.004 đồng, phải thanh toán cho ông T 23.721.504 đồng, phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Như V 249.329.724 đồng; phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Như Y là 104.159.758 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc ông Lâm Minh V và bà Phùng Thị Diễm P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi là 1.974.312.821 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười hai đồng tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.475.360.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/01/2018 là 498.952.821 đồng.

Ông Lâm Minh V và bà Phùng Thị Diễm P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165, ngày 10/02/2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Kim S phải chịu 19.905.650 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 3.926.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011501 ngày 02/03/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Bà S phải nộp thêm 12.325.774 đồng.

Bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Thành T mỗi người phải chịu 14.905.650 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự mỗi người đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 3.926.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011502 ngày 02/03/2017 và số 0013813 ngày 23/09/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Bà X , ông T mỗi người phải nộp thêm 7.325.774 đồng.

Ông Lâm Tân T1 phải chịu 14.905.650 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án. Ông T1 phải nộp thêm 11.252.274 đồng.

Ông Lâm Tân V phải chịu 14.905.650 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự đã nộp 3.603.376 đồng theo Công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án. Ông V phải nộp thêm 11.302.274 đồng.

Bà Lâm Thị Như V phải chịu 14.905.650 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo Công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 6.605.538 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0011503 ngày 02/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, bà V phải nộp thêm 4.646.736 đồng.

Bà Lâm Thị Như Y phải chịu 30.061.000 đồng. Khấu trừ tiền án phí dân sự phúc thẩm bà Lâm Thị Như Y đã nộp 50.000 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án. Bà Y phải nộp thêm 30.011.000 đồng

Bà Nguyễn Thị Kim B , Lâm Nguyễn Đình N , Lâm Thị Bảo N phải chịu 2.000.180 đồng. Khấu trừ 432.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu 0004645 ngày 26/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, Bà B , Lâm Nguyễn Đình N , Lâm Thị Bảo N phải nộp thêm 1.677.180 đồng.

Ông Lâm Minh V phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng là 14.905.650 đồng và án phí đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng là 71.229.384 đồng, tổng cộng là 86.135.035 đồng.

Về chi phí thẩm định, đo đạc và lược đồ: Bà S đã nộp 28.544.209 đồng, bà X đã nộp 8.117.328 đồng, tổng cộng là: 36.661.537 đồng; Như vậy, buộc bà V , ông V , ông T1, ông , bà Y, ông Vi mỗi người phải nộp số tiền 4.073.504 đồng để trả lại cho bà S và bà bà X đã nộp trước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2018, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim S là đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Kim X , Lâm Thị Như V kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu chia cho bà Lâm Thị Kim X và bà Lâm Thị Như V theo hiện trạng đất gần vị trí đất của bà S được chia, chứ không đồng ý nhận giá trị.

Ngày 07/02/2018 bị đơn bà Lâm Thị Như Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không đồng ý chia thừa kế, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm công nhận khu đất tranh chấp là tài sản của bà Y.

Ngày 09/02/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh V kháng cáo không đồng ý nhận tài sản theo quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ xin nhận phần đất gia đình ông V đã làm nhà để ở và sinh sống. Không yêu cầu chia căn nhà của cụ Huỳnh Thị T vì để phục vụ cho việc thờ cúng tổ tiên.

Ngày 14/3/2018 Ngân hàng N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nếu vợ chồng ông V không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án đối với số tiền vợ chồng ông V nợ của ngân hàng và các tài sản khác của ông V .

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Bà Lâm Thị Kim S trình bày: Đại diện cho bà Lâm Thị Kim X , bà Lâm Thị Như V xin rút toàn bộ kháng cáo của bà Lâm Thị Kim X và bà Lâm Thị Như .

Bà Trương Lâm Đông T đại diện theo uỷ quyền cho bà Lâm Thị Như Y trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì tài sản tranh chấp là của riêng bà Y chứ không còn là của cụ D , cụ T , bà Y đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và sử dụng ổn định lâu dài. Bị đơn vẫn biết rằng nếu Toà án bác yêu cầu của những người yêu cầu chia thừa kế khối tài sản tài sản tranh chấp thì tài sản này cũng sẽ bị Ngân hàng phát mãi để trả nợ cho vợ chồng ông V , nhưng do các anh chị em cho rằng bà Y đã lừa cụ D và cụ T để chiếm đoạt đất nên vẫn yêu cầu Toà án bác yêu cầu của những người đòi chia thừa kế để lấy lại danh dự cho bà Y. Bà Y đồng ý nhận toàn bộ phần đất mà Toà án cấp sơ thẩm đã chia cho ông Lâm Minh V , trong đó có các phần của các đồng thừa kế khác. Bà xác định khu đất tranh chấp đã thế chấp cho ngân hàng để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng ông V theo Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165/HĐTD ngày 10/02/2015 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011, nếu vợ chồng ông V không trả được nợ thì đồng ý để các cơ quan cơ thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản đã thế chấp là toàn bộ khu đất tranh chấp để ngân hàng thu hồi nợ chứ không đồng ý chia thừa kế.

Luật sư Lê Quang Vũ trình bày: Có đủ chứng cứ xác định khu đất tranh chấp là tài sản riêng của bà Y chứ không phải là di sản, vì nguồn gốc đất trước đây là của địa chủ S cho cha mẹ của cụ D thuê, sau đó bỏ hoang một thời gian dài không ai sử dụng. Đến năm 1975 bà Y về quản lý, khai phá, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy khu đất tranh chấp bà Y đã thế chấp cho Ngân hàng N để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Lâm Minh V và có nguy cơ bị phát mãi nếu ông V , bà P không trả được nợ. Nhưng thực tế đây không phải là di sản thừa kế, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Lâm Minh V trình bày: Không đồng ý theo sự phân chia của Toà án cấp sơ thẩm. Chỉ đồng ý nhận phần đất có nhà để ở thuộc vị trí 5 và 5a trên bản đồ. Phần đất còn lại và đất có ao cá và các tài sản khác trên đất thì giao toàn bộ cho bà Y quản lý sử dụng, gia đình ông Viễn không cần bà Y giao trả lại bất kỳ

khoản tiền nào, kể cả tiền giá trị phần đất ông V được chia thừa kế. Xác định toàn bộ khu đất tranh chấp đã thế chấp cho ngân hàng để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay năm 2015 của vợ chồng ông Viễn theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết năm 2011 như bà T trình bày. Thừa nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên là 1.974.312.821đ và không kháng cáo về số tiền còn nợ này. Vợ chồng ông V đồng ý trả nợ cho ngân hàng, nhưng xin trả dần một tháng 6.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Nếu ngân hàng phát mãi phần đất đã thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ thì vợ chồng ông V cũng đồng ý như ý kiến của bà T (Đại diện cho bà Y) tại phiên toà hôm nay. Xác định 02 căn nhà trên phần đất vị trí 5 và 5a trên bản đồ là tài sản của vợ chồng ông V .

Ông Ông Thanh T đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng N trình bày: Ngân hàng cho ông Lâm Minh V và bà Phùng Thị Diễm P vay số tiền 2.200.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165/HĐTD ngày 10/02/2015. Tài sản thế chấp là khu đất đo thực tế 14.639,8m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011. Ông V , bà P đã trả được một phần, con nợ tiền gốc và lãi theo bản án sơ thẩm tuyên là 1.974.312.821đ. Đề nghị Toà án buộc ông V , bà P phải trả dứt nợ cho ngân hàng, nếu không trả được nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản 03 bên đã ký kết và tài sản khác của gia đình ông V ngân hàng để thu hồi nợ. Không đồng ý việc ông V , bà P xin trả dần một tháng 6.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ và quyết định đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Lâm Thị Kim S đã thay mặt bà Lâm Thị Như V và bà Lâm Thị Kim X rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đương sự đã rút; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của các đương sự; cần sửa một phần bản án sơ thẩm cho phù hợp với diễn biến phiên toà, phần còn lại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến

trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã uỷ quyền cho người khác có mặt tham gia phiên toà, hoặc họ có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên toà phúc thẩm bà Lâm Thị Kim S là đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Kim X , Lâm Thị Như V xác định bà S không kháng cáo, nhưng bà S đại diện cho bà X và bà V kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà S rút toàn bộ kháng cáo của bà X và bà V . Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Lâm Thị Kim X và bà Lâm Thị Như V .

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của các đương sự tranh chấp về chia di sản thừa kế:

[2.1] Các đương sự thừa nhận cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T có 09 người con là các ông, bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Như Y, Lâm Thị Như V , Lâm Thị Kim X , Lâm Thành T , Lâm Tân T1, Lâm Minh V , Lâm Tân V , Lâm Thanh N . Cụ Lâm Văn D chết năm 1989, cụ Huỳnh Thị chết năm 2014, ông Lâm Thanh N chết năm 2003. Ông N có vợ là bà Nguyễn Thị Kim B , con là anh L Nguyễn Đình N và chị Lâm Thị Bảo N . Cụ D , cụ T , ông N chết đều không để lại di chúc. Khu đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế bằng 14.639,8m^2 (đã trừ phần đất ven kinh), tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

[2.2] Bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Như V , Lâm Thị Kim X , Lâm Thành T , Lâm Tân T1, Lâm Tân V cho rằng khu đất tranh chấp có nguồn gốc đất của ông bà để lại cho cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T , nay cụ D và cụ T đã chết nên yêu cầu chia thừa kế khu đất nêu trên cho 09 người con bằng 09 phần bằng nhau.

[2.3] Bà Lâm Thị Như Y và ông Lâm Minh V thừa nhận khu đất tranh chấp có ranh nguyên trạng từ trước đến nay diện tích đo thực tế 14.639,8m^2 là của cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T để lại, nhưng khi còn sống hai cụ đã cho

bà Y từ năm 1975, bà Y đã sử dụng ổn định cho đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý chia thừa kế, mà chỉ đồng ý để cho những người hiện đã có nhà trên khu đất vẫn được tiếp tục ở và đồng ý cho bà S 01 nền nhà. Sau đó bà Y thay đổi lời khai về nguồn gốc đất, bà Y cho rằng nguồn gốc khu đất này của địa chủ S để cho cụ D và cụ T thuê sử dụng ở từ những năm 1945, đến năm 1954 cụ D và cụ T bỏ đi nơi khác không còn sử dụng. Năm 1975 bà Y về quản lý và tự kê khai đăng ký sử dụng đến nay. Do đó tài sản này là của riêng bà Y, không phải là di sản của cụ D và cụ T .

[2.4] Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự các đương sự thừa nhận thống nhất các bản vẽ vị trí khu đất và các tài sản trên khu đất tranh chấp theo Mãnh trích đo địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang thực hiện; thống nhất giá khu nhà, đất tranh chấp theo bản án sơ thẩm.

[2.5] Xét về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Ban đầu các đương sự, trong đó có bà Lâm Thị Như Y đều thừa nhận nguồn gốc khu đất tranh chấp là của cụ D và cụ T . Sau đó bà Y cho rằng khu đất tranh chấp là tài sản của bà Y vì nguồn gốc khu đất tranh chấp là của địa chủ S để cho cụ D và cụ T sử dụng, sau đó cụ D và cụ T bỏ đi, đến năm 1975 bà Y về quản lý sử dụng nên tài sản này không phải là di sản của cụ D và cụ T là mâu thuẫn với lời khai ban đầu của bà Y mâu thuẫn với lời khai của các anh chị em khác. Tại Bản tường trình ngày 22/10/2017, bà Y trình bày *"... Năm 1945 ông bà nội của bà Y bao qua đất của điền chủ là Hội đồng S khoảng 30 công đất ... Năm 1977 cha tôi có chia cho ông Lâm Văn M là chú út tôi khoảng 8 công, còn lại gia đình tôi canh tác ... Năm 1990 chị tôi là Lâm Thị Như V ở Mỹ về, họp gia đình lại và chia phần như sau: 1- Lâm Thị Như Y nhận phần đất"* (BL 74, 75, 634). Tại Biên bản do Uỷ ban nhân dân huyện Phụng Hiệp lập ngày 08/12/1976 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa cụ Lâm Văn M với cụ Lâm Văn D (Cụ M là người khiếu nại yêu cầu Ủỷ ban giải quyết tranh chấp đất với cụ D) nội dung biên bản thể hiện nguồn gốc khu đất tranh chấp gồm đất ruộng và đất vườn là của cố Lâm Văn M (cha của cụ D , cụ M) để lại cho các con, phần đất của cụ D được chia 2/3, phần đất còn lại chia cho cụ M 1/3 (BL 99). Cụ T có bản tự khai (BL 88, 89) và đơn yêu cầu giám đốc thẩm (BL 241) yêu cầu chia đều phần đất tranh chấp cho 09 người con. Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 03/04/1997, bà Y ghi nguồn gốc đất là đất gốc (BL 383). Mặt khác, bà Y lại có lời khai thừa nhận khi bà Lâm Thị Như V về nước năm 1990 đã chia tiền và nhà đất cho các anh em, còn phần đất tranh chấp là do bà V chia cho bà Y, nhưng lời trình bày này

không được các đồng nguyên đơn thừa nhận, mà họ xác định bà V từ Mỹ về có tiền nên cho các anh chị em, trong đó có cho bà Y, chứ không có việc các chị em thống nhất chia khu đất tranh chấp đất cho bà Y. Giả sử khu đất này đã là của bà Y từ năm 1975 thì không có việc giải quyết tranh chấp đất giữa cụ D với cụ M năm 1976 và chia đất vào năm 1977 như bà Y trình bày, bà V cũng không có quyền đứng ra chia khu đất tranh chấp vào năm 1990. Bà Y không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, nên Toà án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là di sản của cụ D và cụ T , đồng thời chia thừa kế di sản này theo quy đinh của pháp luật là đúng.

[2.6] Về hàng thừa kế:

09 người con của cụ D và cụ T thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do ông Lâm Thanh N chết năm 2003, ông N có vợ là bà Nguyễn Thị Kim B , có con là anh Lâm Nguyễn Đình N và chị Lâm Thị Bảo N . Do đó, anh Nh , chị N thuộc hàng thừa kế thế vị và được hưởng suất thừa kế của ông N . Anh N , chị N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim B được toàn quyền quyết định các vấn đề trong vụ án và thống nhất để bà Nguyễn Thị Kim B cùng được hưởng phần di sản được chia. Như vậy, di sản của cụ D và cụ T được chia thành 09 kỷ phần cho 09 người con, trong đó kỷ phần của ông Lâm Thanh N được chia cho bà Nguyễn Thị Kim B , anh Lâm Nguyễn Đình N và chị Lâm Thị Bảo N .

[2.7] Về di sản được chia như sau:

Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án chia phần đất ven kinh (vị trí theo bản đồ: 16 = 159,7m^2), phần mộ (vị trí số 9 = 134,1m^2), nhà thờ (vị trí số 8 = 38,6m^2) và lối đi (vị trí L = 219,5 m^2). Riêng phần đất làm lối đi (vị trí L1: 147m^2 + 206m^2 = 353m^2) sẽ được công nhận là lối đi chung cho bà Sang, bà Y, ông T , ông T1 được chia đất phía sau, nhưng phải trừ vào giá trị kỷ phần được chia. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, vì vậy cần ghi nhận. Đối với nhà của cụ T , các đương sự yêu cầu để làm nhà thờ cúng, nhưng bà S và bà V yêu cầu được công nhận cho bà V , vì bà Vân đã bỏ tiền ra xây dựng. Xét thấy, trong khối di sản đã có 01 căn nhà tại vị trí số 8 = 38,6m^2 mà các đương sự đều thừa nhận đang dùng vào mục đích thờ cúng ông bà, tổ tiên và đều thống nhất không chia, còn căn nhà của cụ T thì không được toàn bộ các đồng thừa kế đồng ý để làm nhà thờ cúng nên không có căn chấp nhận căn nhà này là di sản dùng vào việc thờ cúng. Do đó, bà V , bà S , bà X yêu cầu chia thừa kế căn nhà của cụ T là có cơ sở chấp nhận.

Đối với bà Y có công quản lý, canh tác lâu dài trên phần đất tranh chấp, nên cần dành 01 suất thừa kế để chia thêm cho bà Y là phù hợp. Các đương sự khác thừa nhận bà V đóng góp khoảng 100.000.000 đồng để xây dựng căn nhà

của cụ T , hiện tại căn nhà vẫn sử dụng tốt đến nay, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia công sức đóng góp vào khối di sản thừa kế cho bà V trị giá 100.000.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim B , anh Lâm Nguyễn Đình N , chị Lâm Thị Bảo N chỉ yêu cầu được chia phần đất đã có căn nhà để ổn định nơi ở, không yêu cầu nhận thêm bất cứ tài sản nào khác trong khối di sản. Tuy nhiên, cần phải có lối đi vào căn nhà và tạo thuận lợi cho việc mở cửa sổ, đồng thời nếu tách phần đất khuôn viên gắn liền với căn nhà để chia cho những người thừa kế khác sẽ gây khó khăn trong việc sử dụng phần nhà, đất nêu trên. Tổng diện tích nhà, đất là 219,8m^2, tại vị trí (I) trên lược đồ có giá trị 40.003.600 đồng, nhỏ hơn giá trị 01 kỷ phần, nhưng đây là sự tự nguyện của bà B , anh N , chị N . Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã ghi nhận và chia cho gia đình bà B phần đất theo sự tự nguyện của gia đình bà B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm đã phát sinh tình tiết mới là ông Lâm Minh V , có ý kiến không đồng ý nhận đất theo sự phân chia của Toà án cấp sơ thẩm, mà chỉ đồng ý nhận phần đất có 02 căn nhà của gia đình ông V đang ở thuộc vị trí 5 và 5a, còn phần đất và đất ao cá cũng như các tài sản trên đất còn lại thì giao toàn bộ cho bà Y quản lý sử dụng, gia đình ông V không cần bà Y giao trả lại bất kỳ khoản tiền nào, kể cả tiền giá trị đất mà ông V được chia thừa kế. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Trương Lâm Đông T đại diện theo uỷ quyền cho bà Lâm Thị Như Y đồng ý để bà Y nhận toàn bộ phần đất mà Toà án cấp sơ thẩm đã chia và giao cho ông Viễn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông V và bà Y, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Mãnh trích đo địa chính số 05.2017 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang vẽ ngày 01/12/2017 thì căn nhà (tại vị trí số 13 trên bản đồ) của gia đình ông Lâm Tân T1 xây dựng trên phần đất vị trí số (VIII) và số (VII); căn nhà (tại vị trí số 14 trên bản đồ) của gia đình ông Lâm Thành T nằm trên phần đất phần đất vị trí số (IX) và số (X). Do ông T và ông T1 đồng ý di dời 02 căn nhà này khỏi 03 phần đất nêu trên nên Toà án cấp sơ thẩm chia cho bà Lâm Thị Kim S phần đất vị trí số (VIII) có bao gồm một phần nhà của gia đình ông T1 và chia cho ông Lâm Minh V phần đất vị trí số (IX), số (X) bao gồm toàn bộ căn nhà của gia đình ông T . Tuy nhiên, chưa thể xác định chính xác đây là tài sản riêng của ông T1, ông T hay là tài sản chung của gia đình. Nếu là tài sản chung của gia đình ông T1, ông T thì cần phải có ý kiến thống nhất di dời của các đồng sở hữu khác thì mới đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, cũng như điều kiện thi hành án. Do đó, Toà án cấp phúc

thẩm xét xử đã yêu cầu Trung tâm Kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang lập Mãnh trích đo địa chính số 02 ngày 12/7/2018 để tạo điều kiện tốt nhất cho các đương sự trong việc sử dụng tài sản được chia mà không cần phải di dời tài sản. Mặt khác, ông V đồng ý để bà Y nhận các phần đất mà ông V được phân chia theo bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, phân chia cho bà Y được nhận phần đất vị trí số (VI) và phần đất tại vị trí số (X) và các phần đất khác theo bản án sơ thẩm đã chia cho ông V , trừ phần đất căn nhà tại vị trí số (5 và 5a) nêu trên; ông T được phân chia phần đất vị trí số (IX) và chỉnh ranh giới các khu đất đã chia cho ông T1, bà S cho phù hợp.

Như vậy, di sản của cụ D và cụ T để lại được xác định để chia thừa kế gồm: Nhà của cụ Huỳnh Thị T tại vị trí số (3), (3a), (3b); thửa 438 diện tích 226,1m^2, loại đất thổ cư; thửa 793 diện tích 7.217,9m^2 – (38,6m2 + 134,1m^2 +216,1m^2) = 6.829,1m^2, loại đất 2L; thửa 439 diện tích 7.018,7m^2 loại đất LNK, đều tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

[2.8] Giá trị di sản thừa kế theo kết quả định giá:

Phần nhà cụ T gồm nhà chính trị giá 127.161.000đ, nhà phụ 1 trị giá 27.386.688đ, nhà phụ 2 trị giá 5.260.800đ, sân trị giá 3.305.000đ, tổng cộng là 163.113.488đ. Trừ đi 100.000.000đ công sức đóng góp của bà V , còn tính vào di sản để chia 63.113.488đ.

Phần đất thửa 438, loại đất ODT có giá 950.000 đồng/m^2; thửa 439, loại đất LNK trị giá 182.000 đồng/m^2; thửa 793 loại đất 2L, trị giá 172.000đồng/m^2

Tổng cộng giá trị di sản thừa kế của cụ D và cụ T :

(226,1m^2 x 950.000đ) + (6.829,1m^2 x 182.000đ) + (7.018,7m2 x 172.000đ) + 63.113.488đ = 2.728.021.088đ.

Dành ra 01 kỷ phần tính công sức duy trì và tôn tạo tài sản để chia thêm cho bà Y:

2.728.021.088đ : 9 = 303.113.454đ.

Bà Nguyễn Thị Kim B , anh Lâm Nguyễn Đình N , chị Lâm Thị Bảo N (vợ, con ông N) chỉ yêu cầu nhận kỷ phần của ông N diện tích đất 219,8m2, giá 182.000đđ/m^2, bằng 40.003.600đ.

Số tiền còn lại chia cho 8 kỷ phần:

2.728.021.088 - 303.113.454 - 40.003.600 = 2.384.904.034đ

2.384.904.034đ : 8 = 298.113.004đ

Bà Lâm Thị Kim S , bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Thành T , ông Lâm Tân T1, ông Lâm Minh V , ông Lâm Tân V mỗi người được chia 298.113.004đ.

Bà Lâm Thị Như Y được chia:

298.113.004đ + 303.113.454đ = 601.226.158đ

Bà bà Lâm Thị Như V được chia:

298.113.004đ + 100.000.000đ = 398.113.004đ.

Do phần đất công nhận lối đi chung cho bà S , bà Y, ông T1, ông T . Giá trị lối đi (L1): (147,0m^2 x 182.000đ) + (206,0m^2 x 172.000đồng) = 62.186.000đ. Mỗi người phải chịu 62.186.000đ : 4 = 15.546.500đ.

[2.9] Về phân chia vị trí đất:

Các phân chia đất cho các đồng thừa kế đều tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02.2018/TT.KTTN&MT ngày 12/07/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, vị trí cụ thể như sau:

Bà Lâm Thị Kim S được chia phần đất tại vị trí (V), diện tích 413,8m^2, trên đất có nhà của cụ T trước đây và phần đất tại vị trí (VIII), diện tích 869,4m^2. Tài sản có giá trị: 163.113.488đ + (42,2m^2 x 950.000đ) + (371.6m^2 x 182.000đ) + (869,4m^{2}x 172.000đ) + 15.546.500đ = 435.917.988đ. Do giá trị đất bà S nhận nhiều hơn kỷ phần được chia nên buộc bà S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà V 137.804.984đ, trong đó 100.000.000đ là giá trị công sức đóng góp của bà V vào căn nhà của cụ T .

Ông Lâm Thành T được sử dụng phần đất tại vị trí (II), diện tích 600,5m^2 và phần đất tại vị trí (IX), diện tích 869,3m^2. Giá trị: 600,5m^2 x 182.000đ + 869,3m^2 x 172.000đ) + 15.546.500đ = 274.357.100đ. Do giá trị đất ông T nhận ít hơn kỷ phần được chia nên ông T được nhận thêm 23.755.904đ từ bà Y.

Ông Lâm Tân T1 được sử dụng phần đất tại vị trí (IV), diện tích 402m^2 và phần đất tại vị trí (VII), diện tích 869,6m^2. Giá trị: (92.2m^2 x 950.000đ) + (309,8m^2 x 182.000đ) + (869,6m^2 x 172.000đ) + 15.546.500 đồng = 309.091.300 đồng. Do giá trị đất ông T1 nhận nhiều hơn kỷ phần được chia nên buộc ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà V 10.978.296đ.

Ông Lâm Minh V được nhận phần đất có nhà tại vị trí (5), diện tích 87,7m^2, tại vị trí (5a), diện tích 47,2m^2; phần lối đi từ nhà ra đường công cộng 24,7m^2. Giá trị: (87,7m^2 + 47,2m^2 + 24,7m^2) x 182.000đ = 29.047.200đ

Bà Lâm Thị Như Y được sử dụng phần đất tại vị trí (III), diện tích 615,5m^2; phần đất tại vị trí (VI), diện tích 1.076m^2; phần đất tại vị trí (X), diện

tích 662,8m^2; phần đất tại vị trí (6), diện tích 991,6m^2; phần đất tại vị trí (7), diện tích 44,5m^2; phần đất tại vị trí (10) diện tích 1621,0m^2 và 1.696,8m^2; phần đất tại vị trí (11), diện tích 301,7m^2 và 406,6m^2; phần đất tại vị trí (15), diện tích 1559,2m^2 và 362,0m^2. Giá trị: (991,6m^2 + 44,5m^2 + 1.621m^2 + 301,7m^2 + 1.562,9 m^2 + 523,8m^2 x 182.000đ) + (1.696,8m^2 + 406,6m^2 + 362m^2 + 869,3m^2 + 869,5m^2 x 172.000đ) + (91,7m^2 x 950.000đ) + 15.546.500đ = 1.744.099.304đ. Bà Y được chia tính theo giá trị là 601.226.158đ và nhận thêm giá trị kỷ phần của ông V 273.561.204đ, tổng cộng bằng 874.787.362đ. Do bà Lâm Thị Như Y nhận phần đất thừa kế nhiều hơn nên buộc bà Y phải có trách nhiệm thanh toán lại phần chênh lệch cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V mỗi người 298.113.004đ, thanh toán cho ông T 23.755.904đ, thanh toán cho bà Lâm Thị Như V 249.329.724đ.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng N:

Tại phiên toà phúc thẩm, Ngân hàng N, bà Trương Lâm Đông T đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Như Y, bà Trương Lâm Đình T , bà Trương Lâm Xuân T , bà Trương Lâm Thu T ; ông Lâm Minh V đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà Phùng Thị Diễm P , ông Lâm Minh Diễm P , Lâm Minh T đều thừa nhận theo Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165/HĐTD ngày 10/02/2015 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011 thì ông V , bà P còn nợ ngân hàng tiền gốc và lãi như bản án sơ thẩm tuyên là 1.974.312.821đ. Hai hợp đồng nêu trên đều thể hiện ý chí của các bên tham gia ký kết và đều thừa nhận không bị ép buộc, lừa dối… Như vậy các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông V yêu cầu xin được trả dần cho ngân hàng mỗi tháng 6.000.000đ, nhưng không được ngân hàng chấp thuận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ ghi nhận, vợ chồng ông V có thể yêu cầu Chi cục Thi hành án xem xét giải quyết. Về tài sản thế chấp, bà Trương Lâm Đông T và ông V đều có ý kiến chấp thuận việc nếu ông V , bà P không trả được nợ thì đồng ý để ngân hàng được yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng, ý kiến này phù hợp với yêu cầu của ngân hàng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận. đối với các tài sản trên khu đất thế chấp, nếu phải xử lý tài sản bằng hình thức cưỡng chế thi hành án thì cần áp dụng Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy Ngân hàng N không phải khởi kiện bằng vụ kiện khác như nhận định của bản án sơ thẩm đối với phần xử lý tài sản để thu hồi nợ. Việc ông V từ chối nhận phần di sản thừa kế được chia, từ chối nhận các phần đất của các đồng thừa kế khác được chia thì đã được giao lại cho bà Y nên cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Tuy nhiên, trên khu

đất thế chấp có một số phần đất đã chia cho các đồng thừa kế khác và làm lối đi chung. Do đó, khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng thì chỉ căn cứ vào một phần nội dung của Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011 và chỉ được phát mãi phần đất bà Y và ông V được chia tại các vị trí (5), diện tích 87,7m^2, tại vị trí (5a), diện tích 47,2m^2; phần lối đi từ nhà ra đường công cộng 24,7m^2; phần đất tại vị trí (III), diện tích 615,5m^2; phần đất tại vị trí (VI), diện tích 1.076m^2; phần đất tại vị trí (X), diện tích 662,8m^2; phần đất tại vị trí (6), diện tích 991,6m^2; phần đất tại vị trí (7), diện tích 44,5m^2; phần đất tại vị trí (10) diện tích 1621,0m^2 và 1.696,8m^2; phần đất tại vị trí (11), diện tích 301,7m^2 và 406,6m^2; phần đất tại vị trí (15), diện tích 1559,2m^2 và 362,0m^2 theo mãnh trích đo địa chính số 02-2018 ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, do bà Y được nhận phần đất của các đồng thừa kế khác nên nếu khi phát mãi tài sản mà bà Ý chưa thanh toán giá trị kỷ phần cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V , ông Lâm Tấn T bà Lâm Thị Như V và thực hiện nghĩa vụ đóng án phí, lệ phí thì số tiền thu được sau khi phát mãi phải thanh toán trước cho các đương sự này và các khoản chi phí tố tụng theo quyết định của bản án, phần còn lại mới để trả nợ cho ngân hàng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Thị Như Y, của ông Lâm Minh V và của Ngân hàng N. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Lâm Đông T đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Như Y, bà Trương Lâm Đình Thảo, bà Trương Lâm Xuân T , bà Trương Lâm Thu T ; sự tự nguyện của ông V đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà Phùng Thị Diễm P , Lâm Minh Diễm P , Lâm Minh T và của Ngân hàng N về việc xử lý tài sản thế chấp theo nội dung nêu trên; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trên 60 tuổi và các đương sự được uỷ quyền của các đương sự trên 60 tuổi có ý kiến đề nghị xin miễn giảm tiền án phí. Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì những trường hợp này thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí cho phù hợp với quy định pháp luật.

Bà Lâm Thị Kim S , bà Lâm Thị Như V , bà Lâm Thị Như Y, ông Lâm Tấn T1, bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Như V được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị di sản được chia. Do ông Lâm Minh V không thuộc trường hợp được miễn án phí nên riêng phần di sản của ông V không nhận mà giao cho bà

Y thì bà Y phải chịu án phí đối với phần di sản này số tiền là 13.453.290đ (14.905.650 – 1452.360đ)

Ông Lâm Minh V nhận phần di sản có giá trị 29.047.200đ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.452.360đ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo thuộc trường hợp miễn án phí thì không phải nộp, các đương sự khác kháng cáo cũng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 611, 612, 613, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 98, 99, 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lâm Thị Kim X và bà Lâm Thị Như V .

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Thị Như Y, của ông Lâm Minh V và của Ngân hàng N. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2.1 Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 14.639,8m^2 là di sản của cụ Lâm Văn D và cụ Huỳnh Thị T .

2.2 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim S , Lâm Thị Kim X , Lâm Thành T , Lâm Tân T1, Lâm Tân V , bà Lâm Thị Như V .

2.3 Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng N.

2.4 Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim B .

2.5 Công nhận cho bà Lâm Thị Kim S được sở hữu, sử dụng phần đất tại vị trí (V) có diện tích 413,8m^2, trên đất có nhà của cụ Huỳnh Thị T tại vị trí (3), (3a), (3b) và phần đất tại vị trí (VIII) có diện tích 869,4m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02-2018/TT.KTTN&MT ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Hậu Giang. Buộc bà S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Như V số tiền là 137.804.984 đồng.

2.6 Công nhận cho ông Lâm Thành T được sử dụng phần đất tại vị trí (II) có diện tích 600,5 m^2 và phần đất tại vị trí (IX) có diện tích 869,3m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02-2018/TT.KTTN&MT ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

2.7 Công nhận cho ông Lâm Tân T1 được sử dụng phần đất tại vị trí (IV) có diện tích 402 m^2 và phần đất tại vị trí (VII) có diện tích 869,6m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02-2018/TT.KTTN&MT ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, buộc ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Như V 10.961.096 đồng.

2.8 Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim B , Lâm Nguyễn Đình N và Lâm Thị Bảo N được sử dụng phần đất tại vị trí (I) có tổng diện tích 219,8m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02-2018/TT.KTTN&MT ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

2.9 Công nhận cho ông Lâm Minh V được sử dụng phần đất có nhà tại vị trí (5), diện tích 87,7m^2; tại vị trí (5a), diện tích 47,2m^2; phần lối đi từ nhà ra đường công cộng 24,7m^2, tọa lạc tại khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo Mãnh trích đo địa chính số 02-2018/TT.KTTN&MT ngày 12/7/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

2.10 Công nhận cho bà Lâm Thị Như Y được sử dụng phần đất tại vị trí (III), diện tích 615,5m^2; phần đất tại vị trí (VI), diện tích 1.076,2 m^2; phần đất tại vị trí (X), diện tích 662,8m^2; phần đất tại vị trí (6), diện tích 991,6m^2; phần đất tại vị trí (7), diện tích 44,5m^2; phần đất tại vị trí (10) diện tích 1.621,0m^2 và 1.696,8m^2; phần đất tại vị trí (11), diện tích 301,7m^2 và 406,6m^2; phần đất tại vị trí (15), diện tích 1.559.5 m^2 và 362,0m^2. Ghi nhận việc vợ chồng ông Lâm Minh V đồng ý giao cho bà Y phần ao cá và các tài sản khác trên phần đất bà Y được nhận mà không yêu cầu bà Y trả lại giá trị. Buộc bà Y phải có trách nhiệm thanh toán lại phần chênh lệch cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V mỗi người 298.113.004đ, thanh toán cho ông Lâm Thành T 23.755.904đ, thanh toán cho bà Lâm Thị Như V 249.329.724đ.

2.11 Bà Lâm Thị Như V được nhận số tiền là 137.804.984đ đồng từ bà Lâm Thị Kim S , 10.961.096 đồng từ ông Lâm Tấn T1 và 249.329.724 đồng từ bà Lâm Thị Như Y.

2.12 Bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V mỗi người được nhận số tiền là 298.113.004 đồng từ bà Lâm Thị Như Y.

2.13 Ông Lâm Thành T được nhận số tiền là 23.755.904 đồng từ bà Lâm Thị Như Y.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

4. Buộc ông Lâm Minh V và bà Phùng Thị Diễm P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi là 1.974.312.821 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười hai đồng tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.475.360.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/01/2018 là 498.952.821 đồng.

Ông Lâm Minh V và bà Phùng Thị Diễm P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201501165, ngày 10/02/2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Như Y, của vợ chồng ông Lâm Minh V đối với yêu cầu của Ngân hàng N về việc xử lý tài sản thế chấp. Nếu ông V , bà P không trả được nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo nội dung một phần của Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7006-LCP-2001100771 ngày 26/12/2011 để thu hồi nợ cho ngân hàng. Khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng thì chỉ được phát mãi phần tài sản bà Y và ông V được chia theo quyết định của bản án này. Nếu bà Y chưa thanh toán giá trị kỷ phần cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V ông Lâm Tấn T bà Lâm Thị Như V thì số tiền thu được sau khi phát mãi phải khấu trừ các phần nghĩa vụ của bà Y để thanh toán trước cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân V , ông Lâm Tấn T1, bà Lâm Thị Như V và các nghĩa vụ khác trong vụ án, phần còn lại mới để trả nợ cho ngân hàng.

6. Các đương sự được tiến hành các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung quyết định của bản án này.

7. Về án phí và lệ phí Toà án:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Kim S , bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Tân T1, ông Lâm Tân V , bà Lâm Thị Như V , bà Lâm Thị Như Y được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản của mình được hưởng.

Bà Lâm Thị Như Y phải chịu án phí đối với phần di sản phần di sản của ông V không nhận mà giao cho bà Y thì bà Y số tiền là 13.453.290đ.

Số tiền bà Lâm Thị Như Y án phí bà Lâm Thị Như Y đã nộp 50.000 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án được khấu trừ vào tiền án phí bà Y phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lâm Thị Kim S tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 3.926.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011501 ngày 02/03/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả cho bà Lâm Thị Kim X , ông Lâm Thành T tiền án phí dân sự mỗi người đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 3.926.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011502 ngày 02/03/2017 và số 0013813 ngày 23/09/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả cho ông Lâm Tân T1 tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án.

Hoàn trả cho ông Lâm Tân V tiền án phí dân sự đã nộp 3.603.376 đồng theo Công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án.

Hoàn trả cho Bà Lâm Thị Như V tiền án phí dân sự đã nộp 3.653.376 đồng theo Công văn số 27/CTHADS.NV về việc xác nhận kết quả thi hành án và 6.605.538 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011503 ngày 02/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim B , Lâm Nguyễn Đình N , Lâm Thị Bảo N phải chịu 2.000.180 đồng. Khấu trừ 432.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu 0004645 ngày 26/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, Bà Nguyễn Thị Kim B , Lâm Nguyễn Đình Nh , Lâm Thị Bảo N phải nộp thêm 1.677.180 đồng.

Ông Lâm Minh V , bà Phương phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng là 1.452.360 đồng và án phí đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng là 71.229.384 đồng, tổng cộng là 72.681.744 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 35.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014396 ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

7.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016417 ngày 11/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Trả lại cho bà Lâm Thị Kim X số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0014949 ngày 21/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Trả lại cho bà Lâm Thị Như V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0014950 ngày 21/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Trả lại cho ông Lâm Minh V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0014948 ngày 09/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Số tiền bà Lâm Thị Như Y đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0014947 ngày 07/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Y phải nộp.

7.3 Về chi phí thẩm định, đo đạc: Bà S đã nộp 28.544.209 đồng, bà X đã nộp 8.117.328 đồng, tổng cộng là 36.661.537 đồng. Như vậy, buộc bà Vân, ông V , ông T , ông T , bà Y, ông V mỗi người phải nộp số tiền 4.073.504 đồng để trả lại cho bà S và bà bà X đã nộp trước.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Ngọc Huynh

- NĐ (6);
- BĐ (1);
- NLQ (16);
- Lưu (3) 34b (Án39).

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

Mai Thị Tú Oanh **Võ Văn Khoa** **Vũ Ngọc Huynh**